TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Dũng

2. Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: đường Thống Nhất, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông Hồ Minh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường Thống Nhất, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (ông T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-3-2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T trình bày:

Bà và ông Hồ Minh T sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2006. Hôn nhân giữa bà và ông T hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm về mọi mặt phát sinh trong cuộc sống và tình cảm giữa hai bên không còn như thời gian đầu một phần là do ông T hay ghen tuông vô cớ. Hiện nay bà và ông T đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2018 và tại tòa, một lần nữa bà T xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Như Ý, sinh ngày 27/10/2006. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ý và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 07/6/2019, ông Hồ Minh T trình bày:

Ông T và bà T tự nguyện tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2006. Hôn nhân trên cở sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng 2 năm gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do 02 năm trước, ông T bị tai nạn lao động, không có khả năng làm việc nên bà T đòi ly hôn. Ông T và bà T đã sống ly thân nhau được 01 năm và hai bên không quan tâm nhau nữa. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Như Ý, sinh ngày 27/10/2006. Ông T nhường quyền trực tiếp nuôi con cho bà T và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện và các lần làm việc tại toà.

Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con. Không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới cũng như không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà T phát sinh mâu thuẫn, bà T xác định không còn tình cảm với ông T và ông T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thuyết; Về con chung: ông T và bà T có 01 con chung tên Hồ Như Ý, sinh ngày 27/10/2006, để đảm bảo nuôi dạy chăm sóc con tốt nhất thì việc giao cháu Ý cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ý; Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: ông T và bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Thị Như T có đơn khởi kiện về "Ly hôn" với ông Hồ Minh T, có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng ông T chỉ trình bày ý kiến về

yêu cầu ly hôn của bà T, ngoài ra không đến Tòa để tham gia tố tụng, tham gia hòa giải… giải quyết vụ việc ly hôn của vợ chồng ông. Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Nhận thấy, việc ông T vắng mặt, đồng nghĩa với việc ông Trí từ chối quyền và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ cho Tòa án, từ chối tham gia quá trình tố tụng do pháp luật qui định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và xét thấy, việc vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định pháp luật Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt ông T.

[2]. Về hôn nhân: Xét ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Như T chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2006, như vậy hôn nhân giữa ông T và bà T là hợp pháp.

Trong thời gian ông T và bà T chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và tình cảm giữa hai vợ chồng dần dần không còn.

Ông T mặc dù không hợp tác trong việc đến tòa để Tòa tiến hành thủ tục hòa giải nhưng có lời khai tại Tòa nêu rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn khi chung sống với bà T và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn gia đình hai người nêu có khác nhau nhưng mâu thuẫn là có thật và theo thời gian thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết. Ông T không đến Tòa nhưng ông xác định mâu thuẫn và đồng ý ly hôn vì không thể hàn gắn, cùng nhau chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Nay bà T cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông T nên khả năng đoàn tụ là rất khó khăn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: ông T và bà T có 01 con chung tên Hồ Như Ý, sinh ngày 27/10/2006. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ý và ông T đồng ý. Vì vậy, để đảm bảo nuôi dạy chăm sóc cháu Ý được tốt nhất thì việc giao cháu Ý cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ý.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà T không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Như T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Như T ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Hồ Như Ý, sinh ngày 27/10/2006 cho bà Nguyễn Thị Như T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Hồ Minh T có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của các con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình,Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Như T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007698 ngày 22/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.VT;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.VT;
- Ủy ban nhân dân phường 3, TP.VT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Phạm Thanh Mai